

Bản án số: 60/2017/HSST
Ngày 26/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tuy

Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, Hải Dương mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2017/TLST-HS ngày 08/9/2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN DANH Đ - Sinh năm 1994.

STQ: Thôn G, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12;

Bố: Nguyễn Danh C, sinh năm 1973; Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1974.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi liên quan: Anh Trần Kích T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Người bị hại và người có quyền lợi liên quan đều có đơn đề nghị xử vắng mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Danh Đ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành truy tố về hành vi phạm tội như sau.

Nguyễn Danh Đ và anh Nguyễn Văn Q có quan hệ quen biết với nhau từ trước. Do trước đó Đ đem cấm xe máy của gia đình để lấy tiền chơi game, không dám về nhà nên Đ thuê phòng tại nhà nghỉ H tại xã C, huyện K, tỉnh Hải

Dương để ở. Buổi chiều ngày 10/4/2017, Đ sử dụng điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng, số sim 0868114418 gọi điện thoại rủ Q đến nhà nghỉ H chơi; khi Q đến, thấy Q đi xe máy SH và do không có tiền tiêu sài nên Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Q. Khoảng 20 giờ ngày 10/4/2017, Đ lại gọi điện rủ Q đến nhà nghỉ H chơi. Khoảng 30 phút sau, anh Q đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe SH, màu sơn đỏ - đen biển số 34B3-39690 (đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn C bỏ để anh Q, xe được ông C giao cho Q sử dụng) đến nhà nghỉ H gặp Đ. Trong lúc nói chuyện, Đ bảo Q cho Đ mượn xe để ra ngoài có chút việc rồi sẽ đem xe về trả, anh Q tưởng thật nên đã đồng ý cho Đ mượn xe mô tô trên. Sau khi lấy được xe, Đ điều khiển xe xuống khu vực thị trấn P với mục đích đem chiếc xe mô tô trên cầm cầm lấy tiền tiêu xài, khi đến gác ghi thuộc khu vực xã P thì Đ gọi điện thoại cho anh Trần Kích T bảo cho Đ cầm chiếc xe lấy 30.000.000đ. Đ nói với T là xe của mình, giấy tờ bỏ cầm nên T đồng ý cho Đ vay 30.000.000 đồng, Đ viết giấy vay tiền và để lại chiếc xe mô tô trên cho anh T rồi cầm tiền đi chơi điện tử và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi cho Đ mượn xe không thấy Đ đem xe về trả, anh Q tìm cách liên lạc với Đ nhưng không được, đến ngày 13/4/2017 anh Q làm đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành.

Tại bản Kết luận số 21/KL-HĐĐG ngày 19/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kim Thành kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125I, biển số 34B3-39690, màu sơn đỏ - đen, có số khung 421XDY012163, số máy JF42E0012193 trị giá 43.198.400 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 34B3-39690 bị cáo chiếm đoạt của Nguyễn Văn Q, chiếc xe này là tài sản của bố để anh Q là ông Nguyễn Văn C đã được thu hồi và trả lại cho ông C.

Trần Kích T là người cầm chiếc xe mô tô BKS 34B3-39690 để cho Đ vay 30.000.000đồng. Quá trình điều tra xác định Trần Kích T không biết tài sản này do Đ phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Chiếc điện thoại của Đ sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Sau đó Đ đã bán chiếc điện thoại trên cho một thanh niên không biết tên ở Nam Sách được 1.700.000đồng.

Giai đoạn điều tra bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 55/VKS-HS ngày 30/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành đã truy tố Nguyễn Danh Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành. Xác định đã thực hiện

việc bồi thường cho bà Bùi Thị T (*mẹ đẻ anh T*) số tiền 20.000.000đ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Người bị hại Nguyễn Văn Q vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Q xác định tài sản bị chiếm đoạt đã được nhận lại, không có yêu cầu đề nghị gì và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Người có quyền lợi liên quan là anh Trần Kích T vắng mặt (*hiện đang bị tạm giam tại trại giam Kim Chi trong một vụ án khác*), nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Yêu cầu bị cáo Đ phải hoàn trả cho anh số tiền đã vay là 30.000.000 đồng. Do hiện nay anh đang bị tạm giam nên anh đề nghị nếu bị cáo thực hiện việc bồi thường cho anh số tiền này thì mẹ đẻ anh là bà Bùi Thị T đứng ra nhận tiền thay cho anh.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vấn đề về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng. Đề nghị: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Danh Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

- Áp dụng: khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Danh Đ từ 27 đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự, áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự. Điều 584; 585; 586; 589 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự: Bị cáo đã thực hiện trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Kích T số tiền 20.000.000đ, buộc bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho anh T số tiền còn lại là 10.000.000đ.

- Vật chứng trong vụ án, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự. điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.700.000đ là tiền bị cáo bán chiếc điện thoại Iphone bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đó được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, những lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan và người làm chứng. Tất cả những lời khai

này cũng phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ cơ sở kết luận: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn Q là chiếc xe mô tô SH biển số 34B3-39690 để cầm cố lấy tiền tiêu xài nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/4/2017, tại nhà nghỉ H thuộc khu dịch vụ xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Danh Đ đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe mô tô biển số 34B3-39690 nhãn hiệu Honda, loại xe SH. Ngay sau khi chiếm đoạt được tài sản của anh Q, bị cáo Đ đã đem chiếc xe mô tô trên xuống thị trấn P, K để cầm cố lấy 30.000.000 đồng tiền tiêu sài. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 43.198.400 đồng.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Danh Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là tội phạm gây nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do ham chơi, lười lao động lại muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, là khách thể được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần xét xử vụ án nghiêm minh, quyết định mức hình phạt nghiêm khắc phù hợp với tính chất, hậu quả mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và mang tính chất răn đe và phòng ngừa chung với những kẻ khác còn có ý định phạm tội.

Hội đồng xét xử có xem xét: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn; được người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Mặt khác tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại và đã tự nguyện thực hiện bồi thường cho người có quyền lợi liên quan số tiền 20.000.000đ để khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; những tình tiết này cũng được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên do bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cầm cố tài sản chiếm đoạt của anh Q là chiếc xe mô tô cho anh Trần Kích T để vay số tiền 30.000.000đ, chiếc xe mô tô

này sau đó đã được Cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho người bị hại. Quá trình điều tra do không có căn cứ xác định anh T biết chiếc xe mô tô này là tài sản do phạm tội mà có và anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 30.000.000đ. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Đ đã bồi thường cho anh Trần Kích T số tiền 20.000.000đồng, số tiền này đã được mẹ đẻ của anh T là bà Bùi Thị T nhận. Số tiền còn lại là 10.000.000đ buộc bị cáo phải tiếp tục thực hiện trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Kích T.

- Về xử lý vật chứng:

+ Chiếc xe mô tô biển số 34B3-39690 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn C - là bố đẻ anh Nguyễn Văn Q- anh Q được ông C giao cho chiếc xe này để sử dụng. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe này cho ông C, ông C và anh Q không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

+ Nguyễn Danh Đ khai đã sử dụng chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng để sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi cầm xe cho T và tiêu xài hết số tiền 30.000.000đ, Đ đã bán chiếc điện thoại trên cho một thanh niên không biết tên ở Nam Sách được 1.700.000đ. Do vậy, cần truy thu số tiền này để sung quỹ nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- **Tuyên bố:** Nguyễn Danh Đ phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

- **Áp dụng:** khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- **Xử phạt:** Nguyễn Danh Đ 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự. Điều 584; 585; 586; 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Danh Đ có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho anh Trần Kích T, sinh năm 1993; trú tại: Thôn Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương số tiền 10.000.000đồng.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự. điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự. Truy thu của bị cáo Nguyễn Danh Đ 1.700.000đồng sung quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án cũn phải chịu khoản tiền lói của số tiền cũn phải thi hành ỏn theo mức lói suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Buộc bị cáo Nguyễn Danh Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi liên quan. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Công an huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương.
- UBND xã C, Kim Thành.
- Bị cáo; Người bị hại,
- Người có QLLQ; Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa